

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: **101/2023/DS-ST**

Ngày: 13-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Hữu Thắng.

2/ Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Linh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2023/TLST-DS ngày 19/5/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2023/QĐXXST-DS ngày 25/8/2023 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số E đường H, khóm D, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

– *Bị đơn:* Bà Mã Xuân P, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường L, khóm H, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

* Người đại diện hợp pháp: Bà Thạch Thị Huỳnh M, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số A đường K, khóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 28/6/2023) (có mặt).

– *Người làm chứng:* Bà Bùi Như N (vắng mặt).

Địa chỉ: Số L đường T, khóm D, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc H trình bày: Bà Huỳnh Ngọc H có quen biết với ông Nguyễn Văn S và bà Mã Xuân P làm nghề môi giới, mua bán bất động sản nên ngày 17/6/2022 bà H có cho ông S, bà P có vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để hỗ trợ ông S, bà P xoay sở công việc gia đình. Khi cho vay có làm biên nhận, nhưng do tin tưởng nên khi đưa tiền cho

ông S, bà P thì bà H chỉ để cho bà P trực tiếp viết biên nhận, thời gian trả nợ là ngày 17/7/2022, lãi suất thoả thuận bằng lời nói 4%/tháng. Tuy nhiên, ông S và bà P không thực hiện việc trả tiền vốn và lãi vay cho bà H như đã thoả thuận, từ ngày 17/7/2022 đến nay bà H đã nhiều lần yêu cầu ông S, bà P trả lại tiền nhưng ông S, bà P không có thiện chí hợp tác. Bà H đã yêu cầu tổ hoà giải khóm K, phường C, thành phố S hoà giải bà P và ông S trả cho bà H số tiền đã vay là 100.000.000 đồng, với mức lãi suất 1,66%/tháng (tính từ ngày 17/6/2022 đến khi ông S và bà P trả đủ tiền), hoà giải vào ngày 11/5/2023 nhưng không thành, ông S không đến tham dự hoà giải, còn bà P không đồng ý trả cho bà H số tiền đã vay nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó không yêu cầu ông S cùng với bà P, vì ông S không phải là chồng của bà P và ông S cũng không có ký tên trong biên nhận vay tiền, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P trả số tiền vay 100.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 17/6/2022 đến ngày xét xử.

Tại phiên toà, bà H chỉ yêu cầu bà Phương trả số tiền vốn vay 100.000.000 đồng, không yêu cầu bà P trả lãi.

– *Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Thạch Thị Huỳnh M trình bày:* Bà M thừa nhận chữ ký, chữ viết trong Biên nhận vay 100.000.000 đồng do bà H cung cấp là do bà P viết và ký tên. Tuy nhiên số tiền này không phải là bà H giao cho bà P một lần vào ngày viết biên nhận 17/6/2022, mà là đã cộng số tiền vay của 03 lần vay trước đó, vào thời gian sau:

- Ngày 10/3/2022 vay 20.000.000 đồng, nhưng thực nhận chỉ có 18.000.000 đồng, vì trừ tiền lãi 2.000.000 đồng/10 ngày;

- Ngày 21/3/2022 vay 20.000.000 đồng, nhưng thực chất chỉ nhận 16.000.000 đồng vì trừ lãi 4.000.000 đồng, trong đó có 2.000.000 đồng lãi của lần vay ngày 10/3/2022;

- Đầu tháng 4/2022 (không nhớ rõ ngày) vay 10.000.000 đồng, nhưng chỉ thực nhận 5.000.000 đồng, vì trừ đi tiền lãi 5.000.000 đồng, trong đó lãi đóng trước 1.000.000 đồng và 4.000.000 đồng của 02 lần vay trước.

Đến ngày 17/6/2022 bà P vay thêm của bà H 50.000.000 đồng cho đủ 100.000.000 đồng, nhưng thực chất chỉ nhận tiền 24.000.000 đồng, vì bà H đã trừ đi tiền lãi bà P còn nợ 6.000.000 đồng và lấy trước tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi của tổng số tiền 50.000.000 đồng của 03 lần vay nêu trên là 10.000.000 đồng và 10.000.000 đồng/tháng của lần vay này. Khi bà P đóng lãi thì bà H yêu cầu bà P chuyển khoản qua số tài khoản bà Bùi Như N, là cháu bà H. Nay bà P không đồng ý trả lãi vì lãi đã đóng cho bà P quá nhiều, chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền vốn vay 63.000.000 đồng.

Tại phiên toà, bà M trình bày, nếu bà H đồng ý cho bà P trả mỗi tháng 5.000.000 đồng thì bà P đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng cho bà H. Nếu bà H không đồng ý cho bà P trả dần như trên thì bà P không đồng ý trả số tiền vốn vay 63.000.000 đồng cho bà H, do lãi bà P đã đóng cho bà H quá nhiều, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng sự chấp hành của người làm chứng là chưa đúng quy định và đề nghị Tòa chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử cho người làm chứng bà Bùi Như N, nhưng bà N vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên trước đó bà N đã có lời khai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt N.

[1.2] Theo đơn khởi kiện bà Huỳnh Ngọc H yêu cầu bà Mã Xuân P trả tiền vốn vay 100.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, từ ngày 17/6/2022 đến ngày xét xử. Tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó chỉ yêu cầu bà P trả số tiền vốn vay 100.000.000 đồng, không yêu cầu trả P trả lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc H có cho bà Mã Xuân P vay số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 17/6/2022, có làm Biên nhận, thời hạn vay là 01 tháng, thời hạn trả nợ là ngày 17/7/2022, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 4%/tháng, nhưng không có ghi trong biên nhận. Từ khi vay đến nay bà P không đóng lãi cũng không trả vốn nên phát sinh tranh chấp, do đó bà H khởi kiện yêu cầu bà P trả vốn 100.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu của bà H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mã Xuân P vay số tiền 100.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà H đã cung cấp tờ Biên nhận có nội dung: *“Tôi tên Mã Xuân P SCM 365422425. Địa chỉ đường L phường B. Tôi có mượn của chị Huỳnh Ngọc H. Số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu chẵn). Tôi hứa tới ngày 17/7/2022 tôi sẽ trả đủ số tiền trên”* (bút lục 29), trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của bà P là bà Thạch Thị Huỳnh M thừa nhận chữ ký và chữ viết trong Biên nhận ngày 17/6/2022 là do bà Mã Xuân P viết và ký tên. Lời thừa nhận của bị đơn là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong khi đó, bị đơn cho rằng bà H không có giao cho bà P một lần với số tiền 100.000.000 đồng vào ngày viết biên nhận, mà số tiền 100.000.000 đồng này đã bao gồm số tiền của 03 lần vay trước đó gộp lại, cụ thể: Ngày 10/3/2022 vay 20.000.000 đồng,

nhưng thực nhận chỉ có 18.000.000 đồng, vì trừ tiền lãi 2.000.000 đồng/10 ngày; Ngày 21/3/2022 vay 20.000.000 đồng, nhưng thực chất chỉ nhận 16.000.000 đồng vì trừ lãi 4.000.000 đồng, trong đó có 2.000.000 đồng lãi của lần vay ngày 10/3/2022; Đầu tháng 4/2022 (không nhớ rõ ngày) vay 10.000.000 đồng, nhưng chỉ thực nhận 5.000.000 đồng, vì trừ đi tiền lãi 5.000.000 đồng, trong đó lãi đóng trước 1.000.000 đồng và 4.000.000 đồng của 02 lần vay trước. Đến ngày 17/6/2022 bà P vay thêm của bà H 50.000.000 đồng cho đủ 100.000.000 đồng, nhưng thực chất chỉ nhận tiền 24.000.000 đồng, vì bà H đã trừ đi tiền lãi bà P còn nợ 6.000.000 đồng và lấy trước tiền lãi là 20.000.000 đồng, trong đó lãi của tổng số tiền 50.000.000 đồng của 03 lần vay nêu trên là 10.000.000 đồng và 10.000.000 đồng/tháng của lần vay này, nhưng bị đơn không đưa ra được căn cứ nào để chứng minh có việc vay tiền của bà H nhiều lần và số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 17/6/2022 là tổng cộng của 04 lần vay, số tiền thực nhận chỉ có 63.000.000 đồng, số còn lại là đã đóng lãi và nguyên đơn cũng không thừa nhận sự việc trên. Ngoài ra phía bị đơn trình bày khi đóng lãi cho bà H thì bà H yêu cầu bà P chuyển tiền qua số tài khoản của cháu bà H là bà Bùi Như N và cung cấp cho Toà án bằng kê chuyển tiền lãi cho bà N và tin nhắn qua Zalo (từ bút lục 43- 73), tuy nhiên các lần chuyển tiền là bà P và bà H chuyển tiền cho bà Ngọc, không có chuyển tiền cho bà Hà, cũng không có nội dung nhờ chuyển lãi cho bà Hà. Đồng thời theo lời khai của người làm chứng bà Bùi Như N thì bà P và bà Quách Minh H (con bà P) có vay tiền của bà N nhiều lần, những lần bà H chuyển tiền qua tài khoản của bà N là chuyển trả tiền vay trước đó và những lần bà N đưa tiền cho bà H nhờ nạp giùm vào tài khoản của bà N, chứ không có liên quan gì đến tiền vay giữa bà H với bà P (bút lục 104) và bà H cũng không thừa nhận bà có yêu cầu bà P đóng lãi cho bà H qua số tài khoản của bà N. Xét thấy, hợp đồng vay giữa bà H với bà P là tự nguyện, các bên tham gia giao dịch đủ năng lực hành vi, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên hợp đồng vay nêu trên là hợp pháp theo quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện giao dịch vay, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi nên đã gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của bà H, nên việc bà H yêu cầu bà P trả số tiền vốn gốc nêu trên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/7/2023 người đại diện theo uỷ quyền của bà P cho rằng chỉ còn nợ bà H số tiền vốn vay 63.000.000 đồng không đồng ý trả lãi vì lãi đã đóng cho bà P quá nhiều và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tại phiên toà bà M trình bày, nếu bà H đồng ý cho bà P trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng thì bà P đồng ý trả 100.000.000 đồng, nếu bà H không đồng ý thì bà P không đồng ý trả tiền cho bà H do đã đóng lãi quá nhiều và đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu trả lãi vay, bà H trình bày lãi suất thoả thuận bằng lời nói là 4%/tháng, nhưng khi khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà H chỉ yêu cầu bà P trả lãi 1,66%/tháng, từ ngày 17/6/2022 đến ngày xét xử. Tại

phiên toà bà H không yêu cầu bà P trả lãi. Xét thấy việc bà H không yêu cầu bà P trả lãi là có lợi cho bà P và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những căn cứ nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà P phải chịu 5.000.000 đồng. Nguyên đơn bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc H.

Buộc bà Mã Xuân P trả cho Huỳnh Ngọc H số tiền vốn vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Huỳnh Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Mã Xuân P không trả số tiền trên, thì bà Mã Xuân P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mã Xuân P phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí sơ thẩm.

Bà Huỳnh Ngọc H không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp đồng 2.949.000 đồng (Hai triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008659 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV &THA)
- Đương sự;
- VKSND TPST;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh